TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O,TP. HN

Bản án số: 23/2020/HNGĐ
Ngày: 28/5/2020
"V/v: Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O – TP H N
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông : ***Nguyễn Tiến D***
- Các Hội thẩm nhân dân*:*
  Bà: **Nguyễn Thị T**
  Bà: **Nguyễn Thị Ng**
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà**: bà **Phạm Anh B** , Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O :* Bà **Nguyễn Thị Kiều D** – KSV – Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O - Tp H N .

Ngày 28 tháng 5 năm 20120 tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O - TP H N ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Trọng T** sinh năm 1970

2.Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T** sinh năm 1972
Đều ĐKHK và nơi ở: Thôn Bạch N , xã Thanh V , huyện Thanh O , TP H N .

(Tại phiên tòa anh T có mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tiếp theo của anh Nguyễn Trọng T thì vụ án có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Tr Tuấn và chị Nguyễn Thị T tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, anh, chị đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã Thanh V , huyện Thanh O . Sau khi kết hôn theo phong tục tập quán địa phương chị T về chung sống tại gia đình nhà anh T , cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, Chị T và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 đến nay. Từ khi sống ly thân chị T , anh T không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

1/ Nguyễn Trọng D , sinh năm 1993

2/ Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1994; Hiện nay đã trưởng thành và có gia đình.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lời khai ngày 15/5/2020 chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh T kết hôn năm 1992. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, sau khi tổ chức kết hôn chị về làm dâu và chung sống tại gia đình anh anh T ngay, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2018 là do anh T thường xuyên đánh chửi chị, chị đã ly thân anh T từ đó cho đến nay. Nay anh T đề nghị xin được ly hôn chị đồng ý ly hôn theo nguyên vọng của anh T .

Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

1/ Nguyễn Trọng D , sinh năm 1993

2/ Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1994; Hiện nay đã trưởng thành và có gia đình.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay: Anh T vẫn trình bày quan điểm như trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn. Chị T đã được triệu tập hợp lệ đồng thời chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: *Về trình tự tố tụng của vụ án đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng; Nguyên đơn tham gia phiên tòa chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị T .*

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1.Về tố tụng : Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh O , TP H N giải quyết việc xin ly hôn của anh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O , TP H N . Tòa án đã tiến hành các trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chi Nguyễn Thị T.

2.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1992, trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, nên đây là hôn nhân hợp pháp được Nhà nước công nhận, nay có yêu cầu ly hôn, xét mâu thuẫn đã trầm trọng, anh T và chị T ly thân đã nâu, xét mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

1/ Nguyễn Trọng D , sinh năm 1993

2/ Nguyễn Thị Gi , sinh năm 1994; Hiện nay đã trưởng thành và có gia đình. Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác : anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án nay.

Án phí : Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51,53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử : Anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

1/ Nguyễn Trọng D , sinh năm 1993

2/ Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1994; Hiện tại đã trưởng thành và có gia đình. Tòa án không xem xét về con chung.

Tài sản chung, tài sản khác, công nợ, công sức: Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được thể hiện tại Biên lai số: 01921 ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O , TP H N .

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án 28/5/2020.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi bị đơn cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh O , thành phố H N .

Nơi nhận:
- *TAND thành phố HN;*
- *VKSND huyện Thanh O;*
- *UBND nơi cấp Giấy CNKH;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh O ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến D